

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HS-ST

Ngày 13-05-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Gia Khánh và ông Vũ Đức Bính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2020/TLST- HS ngày 17 tháng 04 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 04 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Thị Thùy D; sinh năm 1988 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị D1. Bị cáo có chồng là Trần Văn T1 có ba con, con lớn nhất sinh năm 2010 con nhỏ nhất sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Ông Phạm Văn T - sinh năm 1962. Trú tại: Xóm N, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1963; trú tại: Xóm N, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Văn T1 – sinh năm 1984; trú tại: Xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Ninh Văn T2; có mặt.

+ Anh Lê Văn T3; vắng mặt.

+ Ông Lê Văn M vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị N1; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Phạm Thị Thùy D xây nhà, do nhà ở sát mặt đường quốc lộ 12B không có chỗ đổ vật liệu xây dựng nên mỗi lần đưa vật liệu về thường đổ ở ngoài đường. Quá trình làm nhà do chồng thường xuyên đau ốm hay phải điều trị tại Bệnh viện nên mọi việc xây nhà đều do D chỉ đạo và quán xuyến. Do làm ở công ty nên D có nhờ anh Ninh Văn T2 sinh năm 1973 trú tại xóm 10, xã Y (là anh rể) thỉnh thoảng đến trông coi và gọi mua vật liệu. Buổi trưa ngày 09/8/2019, anh T2 nhận được điện thoại của thợ báo hết cát xây dựng nên gọi điện cho anh Lê Văn T3 sinh năm 1983 trú tại xóm 11, xã Y chở đến 01 xe cát. Sau khi nghe điện, anh T3 đi xe đến nhà D chở 01 xe cát khoảng 05 khối, anh T3 đổ đồng cát gần trước cửa nhà, đồng cát được đổ ở mép đường ra gần giữa đường. Sau khi đổ xong anh vào báo người ra nhận sau đó gọi điện cho anh T2 biết rồi đi về nhà. Buổi tối cùng ngày D đi làm về thấy đồng cát đổ ở đường nhưng không xúc gọn vào và cũng không mắc điện kéo ra đường để cảnh báo mà chỉ dùng gậy tre cắm trên đồng cát rồi treo vỏ bao tải lên để cảnh báo.

Khoảng 19 giờ ngày 10/8/2019, ông Phạm Văn T sinh năm 1962 trú tại xóm N, xã V, huyện K điều khiển xe mô tô BKS 35F4 – 3724 lưu thông trên Quốc lộ 12B theo hướng xã Đ đi xã V, khi đi đến khu vực gần nhà D thì phía ngược chiều có 01 xe ô tô đi tới chiếu đèn vào mặt làm ông không nhìn thấy đường phía trước, khi xe ô tô đi qua thì ông nhìn thấy phía trước khoảng 02m có đồng cát ở giữa đường, do khoảng cách gần nên ông chỉ kịp đánh tay lái sang trái để tránh đồng cát thì bánh xe phía trước bị trượt rê ở chân đồng cát làm xe và người đổ ra đường. Hậu quả. Ông T bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình sau đó chuyển lên Bệnh viện hữu nghị Việt Đức điều trị tiếp, hư hỏng 01 xe mô tô. Cơ quan Công an huyện K đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 076 ngày 07/11/2019 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Ninh Bình về thương tích đối với ông Phạm Văn T kết luận: Liệt tứ chi mức độ nặng, rối loạn cơ tròn, lấy bỏ đĩa đệm thoát vị, nẹp vít cố định đốt sống cổ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 96%.

Vật chứng của vụ án 01 xe mô tô BKS 35F4 – 3724 là của ông Phạm Văn T nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã trả lại cho ông. Đại diện gia đình đã nhận và không có ý kiến hay đề nghị gì.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Thị Thùy D đã bồi thường cho ông Phạm Văn T số tiền 35.000.000đ. Đại diện theo ủy quyền của bị hại đã nhận và

không có ý kiến hay yêu cầu gì. Đối với thiệt hại của xe mô tô BKS 35F4 – 3724 đại diện theo ủy quyền của gia đình ông T không có yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra, Phạm Thị Thùy D đã thành khẩn khai nhận nội dung như đã nêu trên.

Cáo trạng số 28/CT – VKS – KS ngày 17 tháng 04 năm 2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Thị Thùy D về tội “Tội cản trở giao thông đường bộ ” theo điểm b khoản 1 Điều 261 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thùy D phạm tội “Tội cản trở giao thông đường bộ”

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 261; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thùy D từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Phạm Thị Thùy D cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trương hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa như nội dung bản cáo trạng, bị cáo khai: Gia đình bị cáo đang xây nhà do nhà bị cáo ở sát mặt đường quốc lộ 12B không có chỗ đổ vật liệu nên mỗi lần đưa vật liệu về thường phải đổ ra mé đường. Buổi chiều ngày 09 tháng 08 năm 2019 do hết cát nên bị cáo đã thuê anh T3 chở cát đến bán cho gia đình bị cáo. Anh T3 đổ cát vào vị trí mé đường như mọi khi. Tối muộn bị cáo về nhà biết việc lúc chiều anh T3 đổ cát gia đình bị cáo nhưng do bận công việc nên bị cáo đã không dọn dẹp đồng cát vào cho gọn gàng, mặt khác cũng chủ quan và bản thân là phụ nữ nên bị cáo đã không mặc điện kéo ra đường để cảnh báo về việc có đồng cát mà chỉ cắm gậy trên đồng cát rồi treo vỏ bao tải lên để cảnh báo. Buổi chiều tối ngày 10 tháng 08 năm 2019 ông Phạm Văn T điều khiển xe mô tô lưu thông trên quốc lộ 12B đã

đâm vào đồng cát làm xe và ông T cùng ngã đổ ra đường. Hậu quả ông T bị thương nặng và phải đi điều trị tại bệnh viện.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả khám nghiệm phương tiện và hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Trưa ngày 09 tháng 08 năm 2019 Phạm Thị Thùy D đã cho người đổ một xe cát ra đường quốc lộ 12B thuộc Xóm 1, xã Đ để phục vụ cho việc xây dựng nhưng bị cáo đã không dọn dẹp cát vào chỗ an toàn cũng như cũng không có biện pháp cảnh báo an toàn cho người tham gia giao thông. Do đó khoảng 19 giờ ngày 10 tháng 08 năm 2019 ông Phạm Văn T đã điều khiển xe mô tô BKS 35F4 – 3724 đã đâm vào đồng cát làm ông T bị tổn hại 96% sức khỏe.

[3] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Tội cản trở giao thông đường bộ, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 261 của Bộ luật Hình sự.

[4] Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm an toàn giao thông ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người tham gia giao thông và phương tiện tham gia giao thông. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo không thấy trước được hành vi của mình có thể gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mặc dù cần phải thấy trước được hậu quả hoặc buộc phải biết trước được hậu về việc làm của mình nhưng bị cáo đã chủ quan và không tuân thủ các quy định về việc đảm bảo an toàn giao thông khu dân cư nông thôn. Do đó cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

- Bị cáo Phạm Thị Thùy D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền là 35.000.000đ. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Gia đình bị hại là có đơn xin đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt và có nơi cư trú ổn

định rõ ràng. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ điều 65 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giáo giục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Thị Thùy D đã bồi thường cho gia đình bị hại ông Phạm Văn T số tiền 35.000.000đ. Đại diện theo ủy quyền của bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường. Đối với vấn đề thiệt hại về chiếc xe mô tô, người đại diện theo ủy quyền của bị hại không yêu cầu bồi thường. Nay gia đình bị hại không yêu cầu thêm gì về vấn đề trách nhiệm dân sự. Do vậy về vấn đề trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả 01 xe mô tô BKS 35 F4 – 3724 nhãn hiệu Loncin cho ông Phạm Văn T. Đại diện gia đình ông T đã nhận lại và không có ý kiến gì. Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại tài sản trên cho ông T là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo, bị hại, người đại diện cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thùy D phạm tội: “ Tội cản trở giao thông đường bộ”

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 261; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thùy D 9 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Phạm Thị Thùy D cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Phạm Thị Thùy D phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/05/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Công an huyện K.
- Chi cục THA dân sự huyện K.
- UBND xã Đ.
- Bị cáo.
- Bị hại, (đại diện bị hại)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh